

ĐÔ THỊ HOÁ VÀ ĐÔ THỊ HOÁ VEN ĐÔ Ở HÀ NỘI

GS. VS Đào Thế Tuấn*

Trong quá trình phát triển của các nước đang phát triển hiện nay, các nước này đang gặp nhiều khó khăn do cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới gây nên, có nguy cơ sẽ dẫn đến cuộc khủng hoảng lương thực. Mâu thuẫn lớn nhất hiện nay là sự mất cân đối ngày càng tăng giữa thành thị và nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá. Sự mất cân đối này thể hiện rõ nhất trong thu nhập của người dân ở thành thị và ở nông thôn. Người nông dân không còn muốn làm việc trong ngành nông nghiệp và không muốn ở nông thôn nữa. Họ thích đổ về thành phố hơn. Mất cân đối giữa đô thị và nông thôn còn thể hiện ở sự tách rời giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội, ở tình trạng thừa lao động mà nông thôn phải gánh chịu một cách bất công vì làm giảm năng suất lao động, thu nhập và mức sống của người dân ở nông thôn. Để đảm bảo một sự phát triển bền vững cần có một chiến lược chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở nông thôn gắn với quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá.

Hà Nội đang tiến hành công nghiệp hoá và đô thị hoá với một tốc độ cao trên một địa bàn rộng lớn hơn trước. Sự phát triển này chỉ bền vững nếu làm giảm sự mất cân đối giữa đô thị và nông thôn. Muốn làm được việc này cần kết hợp mô hình đô thị hoá truyền thống, đô thị hoá của Thăng Long Kẻ Chợ với các mô hình phát triển bền vững đã rút được từ kinh nghiệm của các nước đi trước.

Đô thị hoá ở châu Á

Theo nhiều dự báo thì ở châu Á trong thời gian tới quá trình đô thị hoá sẽ xảy ra rất nhanh chóng. Nếu tỷ lệ dân số đô thị năm 1995 là 50 % thì năm 2025 sẽ tăng lên 70%. Các siêu đô thị sẽ hình thành trong thời gian tới.

Siêu đô thị (Megapolis) là một khái niệm do J, Gottmann¹ (1978), một nhà địa lý Pháp đề nghị năm 1950 lúc nghiên cứu vùng đông bắc của nước Mỹ. Các điều kiện để có Siêu đô thị là: - Phải có cảng, - Phải giữ vai trò của một ngã tư, - Phải có một mật độ dày đặc về quan hệ, - Phải có một mật độ dân số cao, - Phải có một hệ thống kinh tế trong đó dịch vụ chiếm một vị trí quan trọng.

Trên thế giới có 5 tổ hợp siêu đô thị: vùng 5 hồ lớn ở Mỹ, vùng bờ biển phía đông của Mỹ, ở Anh, ở Nhật và ở Tây Âu. Hiện nay ở châu Á có 50 % dân sống ở đô thị, dự báo

* Hội Khoa học Phát triển nông thôn Việt Nam.

đến năm 2025 sẽ có 70%. Năm 2010 thế giới sẽ có 13 siêu đô thị trên 10 triệu dân thì 7 là ở châu Á. Năm 2010 châu Á sẽ có 30 thành thị trên 5 triệu dân (trong khi ở Mỹ chỉ có 2, và ở châu Âu 6). Thượng Hải, Bombay sẽ có trên 20 triệu dân, Bắc Kinh, Dhaka, Jakarta, Manila, Thiên Tân, Calcutta và Delhi trên 15 triệu.

McGee² (1989) khi nghiên cứu về quá trình đô thị hoá ở châu Á, cho rằng ở châu Á có những đặc điểm khác ở châu Âu và châu Mỹ, nên phát triển một hệ thống đô thị trong đó có các cực đô thị và cực nông thôn, các hoạt động phi nông nghiệp và nông nghiệp, có dân cư đô thị và nông thôn. Tác giả đề nghị một mô hình gọi là *Desakota*, theo tiếng Indonexia, *Desa* là nông thôn, *kota* là đô thị và thị trấn. Khái niệm này tương đương với khái niệm "đô thị hoá nông thôn" ở Trung Quốc.

Vấn đề được đặt ra hiện nay là đô thị hoá như thế nào để đồng thời phát triển được nông nghiệp. Gần đây vấn đề nông nghiệp đô thị cũng như nông nghiệp ven đô, nhưng mục tiêu được đặt ra với vấn đề này có khác. Muốn giải quyết được vấn đề phải được mở rộng ra nghiên cứu *quan hệ giữa đô thị với nông nghiệp*.

Các mô hình đô thị hoá châu Á

Quá trình đô thị hoá ở châu Á có hai xu hướng chính:

1. Tập trung người và sản xuất ở một số nơi, từ đó hình thành các đại đô thị.
2. Trong các vùng đại đô thị, những người thuộc tầng lớp giàu có di chuyển đến vùng nông thôn xung quanh để tránh những hậu quả xã hội và môi trường của sự phát triển đô thị.

Các mô hình đô thị hoá đã được đề xuất là:

- **Mô hình vùng đô thị mở rộng (RME)**³. Mô hình này được áp dụng ở Hồng Kông và Singapore trong việc đô thị hoá vùng nông thôn xung quanh đô thị.

- **Mô hình "thành phố - vùng"**. Đây là mô hình do A. Scott⁴ (1998) đề xuất. Theo tác giả này, các thành phố liên kết với nhau bởi các vùng nông thôn với các thị trấn nhỏ, nơi các hoạt động kinh tế và chính trị đan xen một cách khó hiểu.

- **Mô hình tương tác vùng ven đô (IPU)**⁵. Bộ Phát triển Quốc tế Anh (DFID) hỗ trợ chương trình xây dựng hệ thống sản xuất với quy hoạch và quản lý tương tác ở vùng ven đô để giảm đói nghèo và các vấn đề môi trường.

- **Mô hình Desakota** là đô thị hoá phi tập trung hay Desakota do McGee⁶ đề xuất đã được phát triển theo cách đó và đã có thể giải quyết được những mâu thuẫn giữa đô thị hoá và phát triển nông thôn. Mô hình này có thể giảm bớt sự mất cân đối giữa thành phố và nông thôn, vốn là kết quả của cải cách kinh tế ở các quốc gia trong thời kỳ quá độ.

- **Mô hình đô thị hoá quanh đô thị (periurbanisation)**⁷ là một từ xuất hiện năm 1976 chỉ sự mở rộng của đô thị.

Mô hình đô thị hoá Thăng Long - Kẻ Chợ

Thành phố Hà Nội bắt đầu hình thành vào năm 1010 khi vua Lý Thái Tổ dời đô về Đại La. Vua Lý Thái Tổ đặt tên kinh đô lúc bấy giờ là Thăng Long có nghĩa là "Rồng bay lên". Phần lớn Thủ đô của các nước Đông Á đều được xây dựng theo mô hình kinh thành

của Trung Quốc, gồm Tử Cấm Thành, hoàng thành và ngoại thành. Tuy nhiên, thành Thăng Long không theo mô hình này.

Thăng Long có tên gọi dân gian là Kê Chợ. Thăng Long trở thành một thị trường lớn tiêu thụ các mặt hàng thủ công của đồng bằng sông Hồng. Kê Chợ có 5 đến 6 bến tàu và mạng lưới gồm 8 chợ vào thế kỷ thứ XVI và 4 chợ mới vào thế kỷ thứ XIX ở tất cả các cửa ngõ ra vào thành. Thăng Long được chia thành nhiều phường, mỗi phường phát triển một nghề thủ công. Vào thế kỷ thứ XIII, thành phố có 61 phường, nhưng đến thế kỷ thứ XVI chỉ còn lại 36 phường.

Phường có nghĩa là khu đất vuông và phố là bộ mặt của phường. Phường là đơn vị hành chính như xã ở nông thôn. Ở các huyện của Hà Nội không có xã, chỉ có ở các làng ngoại thành, bao bọc kinh thành là thành Đại La. Ở bốn cửa thành có chợ: chợ Cửa Đông ở phố Hàng Đường, chợ Cửa Nam nay vẫn còn, chợ Cửa Tây là chợ Ngọc Hà. Ngoài chợ có “búa” hay là “bộ”, có nghĩa là bến trên sông Cái và sông Tô. Nổi bật nhất là phường Giang Khẩu sau đổi là Hà Khẩu ở phố Hàng Buồm ở cửa sông Tô. Ngoài các phường thủ công và buôn bán, các phường nông nghiệp trồng rau, hoa, quả tập trung ở ngoài cửa Tây, đầu tiên có 9 trại: Liễu Giai, Giảng Võ, Đại Yên, Thủ Lệ, Cống Vị, Hữu Tiệp, Vạn Bảo, Cống Yên và Ngọc Hà, sau tách thêm một số trại gọi là *Thập tam trại*. Đây thực chất là nông thôn ven đô sản xuất các hàng hoá cần thiết cho dân đô thị.

Quá trình đô thị hoá của Thăng Long - Kê Chợ đã được tiến hành một cách đặc biệt. Đô thị còn được gọi là thành thị gồm có *thành* để bảo vệ và *thị* là chợ để đặt quan hệ với nông thôn. Năm 1592 lúc Trịnh Tùng giúp phục hưng lại nhà Lê, đã phá thành do nhà Mạc xây để bảo vệ thành phố, do đấy đã mở rộng “thị”, các chợ và các xưởng thủ công của nó. Đến lúc nhà Nguyễn lên ngôi, Thủ đô được chuyển vào Huế, và Thăng Long được đổi tên là Hà Nội và thành phố trở thành hoàn toàn dân sự. Khu vực “thị” đã được xây dựng ở hai huyện Vĩnh Xương (sau là Thọ Xương) và Quảng Đức (sau là Vĩnh Thuận) trong khu vực 36 phố phường, bên cạnh “thành” để nuôi sống các quan chức. Hai khu vực này của Hà Nội hoàn toàn trái ngược hẳn nhau về mặt thể chế: Trước hết sở hữu ruộng đất của trung tâm thành phố là của tư nhân như đất của thành phố các nước khác và chịu quy luật của kinh tế thị trường. Trong lúc gần toàn bộ ruộng đất của các làng ven đô lại là ruộng đất công như ở các làng xã nông thôn, chịu sự kiểm soát của cộng đồng. Mâu thuẫn thứ hai là các phường ở trung tâm có quan hệ mạnh với nông thôn ở xa, trong lúc các làng xã ven đô lại chỉ hạn chế trong giới hạn của làng. Các làng ở trung tâm được thành lập gắn liền với các làng nghề ở xa, gốc của những thợ thủ công và người buôn di cư đến. Do đấy dân cư ở đây rất đa dạng, chủ yếu là dân các làng nghề của châu thổ sông Hồng di cư đến và xây dựng nên các phố phường. Trái lại dân cư ở ven đô lại rất khép kín, gắn liền với Hà Nội, chịu sự cai trị của lý trưởng và hội đồng kỳ mục và quan lại, vì cuộc sống của họ gắn liền với suất ruộng được chia, ít di cư đi nơi khác.

Do đấy đặc điểm của Thăng Long là các phường ở trung tâm thành phố lại do dân từ các làng nghề châu thổ sông Hồng đến buôn bán rồi kinh doanh và định cư để lập nên các phường nghề. Các phường sau đó được chuyển thành phố và ngày nay, hình thành khu phố cổ, mỗi phố mang tên một nghề thủ công, quan hệ chặt chẽ với làng gốc của mình. Hỗ trợ sự phát triển của các làng nghề này vốn rất cần thiết trong việc tạo việc làm và cải thiện thu nhập của người nông dân. Mối quan hệ giữa Thăng Long với các làng nghề thủ công từ thế kỷ thứ XV đến thế kỷ thứ XIX đã chứng minh được rằng các làng

nghề là nơi cung cấp nguyên liệu và nhân lực cho các phố ngành nghề và các phố này là thị trường tiêu thụ sản phẩm của các làng nghề.

Quá trình đô thị hoá gần đây của Hà Nội

Trong thế kỷ thứ XX, và nhất là trong thời kỳ đổi mới, Hà Nội có ảnh hưởng lớn đến quá trình đô thị hoá quanh đô thị vùng ven, sau một thời gian quá trình này bị chững lại. Nghiên cứu của chúng tôi về sự phát triển của các vùng ven Hà Nội đã cho thấy trong hai thập kỷ gần đây, xung quanh Hà Nội đã hình thành 3 vành đai :

- *Vành đai 1* : gồm các làng gần sát Hà Nội và đang chờ đô thị hoá. Trong vành đai này, người nông dân làm nông nghiệp để giữ quyền sử dụng đất của mình. Đầu cơ đất là hoạt động kinh tế chính tại đây.

- *Vành đai 2* : gồm các làng ở xa thành phố hơn, chưa có điều kiện đô thị hoá, đang phát triển nhanh, có hoạt động phi nông nghiệp ở các làng nghề truyền thống hoặc mới thành lập. Nhiều làng nghề kết hợp với các làng lân cận lập thành các cụm ngành nghề nhằm tạo việc làm, cải thiện thu nhập của người dân và giữ người nông dân ở lại với nông thôn. Những cụm ngành nghề này đang bị đô thị hoá tự phát mà không có quy hoạch cũng như hỗ trợ của nhà nước, tạo nên quá trình đô thị hoá phi tập trung ở vùng ven Hà Nội với vành đai cụm công nghiệp và nông nghiệp rất năng động tạo thành một hệ thống mới như ở các nước Đông Á. Quá trình này đã dẫn đến những thay đổi về cơ cấu trong vùng dựa trên nội lực.

- *Vành đai 3* : gồm các làng ở xa Thủ đô, không có mối quan hệ kinh tế trực tiếp với Thủ đô. Hoạt động chính ở đây là nông nghiệp và thu nhập của người dân rất thấp. Đàn ông và phụ nữ trẻ rời bỏ làng để lên thành phố tìm việc, giao việc làm nông lại cho phụ nữ đứng tuổi và người già. Nền nông nghiệp ở đây mang tính quảng canh và không có chăn nuôi. Điều này dẫn đến có nguy cơ mất an ninh lương thực.

Ngoài ra ở quanh Hà Nội đang xảy ra quá trình đô thị hoá tự phát. Nhiều làng nghề năng động cần xây dựng khu công nghiệp để phát triển nghề đã được chính quyền địa phương cho phép tự đô thị hoá không cần quy hoạch và hỗ trợ của nhà nước. Các làng này đã trở thành các thị trấn cung cấp dịch vụ cho cả vùng, tạo ra các cụm công nghiệp, giải quyết việc làm cho các làng xung quanh, tự giải quyết các vấn đề mà nhà nước không làm được. Đây là cách làm chủ yếu để giảm khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, giảm sự di dân ra các thành phố, bỏ nghề nông nghiệp và đe dọa an ninh lương thực.

Hiện nay trong phát triển kinh tế chúng ta vẫn lấy mục tiêu là năm 2020 nước ta sẽ bắt đầu trở thành một nước công nghiệp. Chúng tôi đã thử xây dựng một mô hình dự báo sự phát triển đến năm 2020. Kết quả của mô hình này cho thấy nếu tăng trưởng của sản phẩm trong nước (GDP) sẽ là trên 8% năm như một vài năm qua thì đến năm 2020 nước ta sẽ chỉ còn phần của nông nghiệp trong GDP khoảng gần 10%, như vậy có thể coi là bắt đầu trở thành một nước công nghiệp. Tuy vậy vào lúc bấy giờ tỷ lệ đô thị hoá của nước ta chưa đến 50% (theo Bộ Xây dựng là 45%). Như vậy là tốc độ đô thị hoá của nước ta sẽ chậm hơn công nghiệp hoá như các nước đang phát triển khác vì tỷ lệ sinh đẻ trong thời kỳ công nghiệp hoá còn cao (trên 2% năm), tạo ra một số lao động thừa ngày càng cao. Vì vậy lúc đã trở thành một nước công nghiệp, tỷ lệ nông thôn và đi đôi với nó là nông nghiệp vẫn còn quan trọng. Đây là một điều mà nhiều người ít biết đến vì tưởng rằng vai

trò của nông nghiệp sẽ giảm đi trong quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá. Ở Trung Quốc theo dự báo năm 2020 nông nghiệp trong GDP còn khoảng 5% nhưng dân số nông thôn vẫn còn 45%.

Trong thời gian tới trong tình trạng kinh tế thế giới suy thoái, năm 2020 nước ta sẽ không thể trở thành một nước công nghiệp vì tăng trưởng không thể đạt trên 8% năm như đã mong đợi. Theo dự báo của IMF và WB suất tăng trưởng của nước ta trong thời gian tới chỉ có thể đạt cao nhất khoảng 5 - 6% năm. Dự báo của chúng tôi cho thấy nếu tăng trưởng 5% năm thì đến sau năm 2030 tỷ lệ nông nghiệp trong GDP vẫn còn 13%. Trước tình hình này phải giảm tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá xuống phù hợp với khả năng công nghiệp hoá và đô thị hoá thực tế. Việc xây dựng các khu công nghiệp và đô thị hoá quá sớm sẽ gây ra một cuộc khủng hoảng mới. Việc điều chỉnh lại tốc độ công nghiệp hoá và đô thị hoá là biện pháp hữu hiệu nhất để giải quyết các khó khăn trong mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn trong vấn đề đất đai và lao động.

Hiện nay ở nước ngoài người ta đang cho rằng nông nghiệp sẽ cứu các nước ra khỏi cuộc suy thoái kinh tế. Nhu cầu về lương thực thực phẩm ngày sẽ càng tăng nhanh dù có khủng hoảng kinh tế hay không. Theo dự báo về tăng dân số, dân số thế giới hiện nay là 6,8 tỷ người, vào năm 2050 sẽ là 9,1 tỷ người và nhu cầu thực phẩm sẽ tăng gấp đôi hiện nay.

Nếu chưa tìm được một cách phát triển mới thì không thể công nghiệp hoá và đô thị hoá được. Châu thổ sông Hồng, Hà Nội là trung tâm của châu thổ sông Hồng, một châu thổ đã có một quá trình phát triển lâu đời và độc đáo. Chính dân cư của các làng nghề, làng buôn của châu thổ đã xây dựng nên Thăng Long - Kẻ Chợ. Hệ thống làng nghề năng động đang phát triển thành các cụm công nghiệp và cụm nông nghiệp có thể phát triển thành hệ thống đối mới quốc gia xây dựng được ưu thế cạnh tranh cho sự phát triển thực hiện được mô hình này.

Công nghiệp hoá dựa vào nông nghiệp cũng là một mô hình có ưu thế cạnh tranh ở Việt Nam, tạo được một sự phát triển bền vững. Phải công nghiệp hoá bằng việc phát triển công nghiệp chế biến để tăng giá trị gia tăng. Đừng quên rằng Hà Tây là một vùng có một nền nông nghiệp mạnh, cần phải tiếp tục phát triển thế mạnh ấy, nếu để mất đi thì rất đáng tiếc.

Du lịch nông thôn là một biện pháp có thể kết hợp với sự phát triển kinh tế nông thôn. Kinh nghiệm các nước cho thấy du lịch nông thôn có thể làm tăng gấp đôi thu nhập của nông dân, tạo việc làm và thúc đẩy sự nâng cao chất lượng của nông nghiệp.

Hà Nội phải xây dựng được một hệ thống dịch vụ phục vụ cho nông thôn châu thổ sông Hồng, đây là một kho việc làm rất phong phú có thể giải quyết được việc làm cho nông dân mất đất. Công việc chủ yếu của hệ thống dịch vụ này là nông nghiệp sạch và công nghiệp chế biến thực phẩm. Hình thức đào tạo nghề cho nông dân thích hợp nhất là vườn ương xí nghiệp đang được áp dụng rộng rãi ở các nước và thí điểm ở nước ta.

Mô hình đô thị hoá ở châu thổ Châu Giang, tỉnh Quảng Đông⁸

Mô hình đô thị hoá phi tập trung, đô thị hoá vùng ven được gọi là Desakota ở miền Nam Trung Quốc, ở hai vùng năng động nhất là đồng bằng sông Dương Tử gần Thượng Hải và châu thổ Châu Giang.

Châu thổ Châu Giang là đồng bằng có mật độ cao nhất ở Trung Quốc. Đây cũng là vùng năng động nhất của cả nước. Nó được hình thành từ phù sa của 3 dòng sông: Tây Giang, Bắc Giang và Đông Giang, trong đó Tây Giang là sông lớn nhất, chiếm 80% lưu lượng và 90% lượng phù sa. Đồng bằng có 8 cửa sông. Diện tích của đồng bằng này là 8601 km². Đồng bằng không có giới hạn, nó không chỉ bao gồm phần diện tích đồng bằng mà còn gồm 300 ngọn đồi do phù sa bồi đắp có độ cao từ 10 đến 300m. Đồng bằng gồm 7 thành phố, 7 quận với tổng diện tích là 14.100 km² (chiếm 7,92% diện tích toàn tỉnh). Năm 1987, đồng bằng này được xác định bao gồm 18 thành phố với diện tích là 45.594 km². Nếu tính luôn các thành phố Quảng Châu, Thẩm Quyển và Chu Hải, thì diện tích này lên đến 48 005 km², tức 1/4 tỉnh Quảng Đông. Dân số của tỉnh Quảng Đông năm 2005 là 83,04 triệu người cộng với hơn 30 triệu người nhập cư. Mật độ dân số là 467 người/km².

Việc phát triển đồng bằng này bắt đầu vào năm 1978 với việc xây dựng thành phố Thẩm Quyển, nơi thu hút lao động đến từ khắp mọi miền đất nước. Từ năm 1986 đến năm 1993, Hồng Kông chiếm 84% tổng số vốn đầu tư nước ngoài ở Quảng Đông. Các thành phố khác cũng thu hút đầu tư nước ngoài.

Châu thổ Châu Giang có 8 thành phố lớn, 2 vùng kinh tế đặc biệt, Chu Hải và Thẩm Quyển, gần Hồng Kông và Macao. Vùng đô thị tại đây khá giống với Hà Lan hay miền Bắc nước Ý, đó là mô hình thành phố - nông thôn, dạng Desakota (McGee, 1991). Tỉnh Quảng Đông có 21 thành phố cấp vùng, 26 thành phố cấp quận, 42 quận, 3 huyện tự trị và 52 thị trấn. Hiện nay, khó có thể xác định được ranh giới giữa đô thị và nông thôn. Đó là lý do tại sao trong số liệu thống kê chỉ ghi là người làm nghề nông nghiệp và người làm nghề phi nông nghiệp.

Những người ngoại tỉnh chuyển đến đồng bằng này không tập trung ở các thành phố vì đô thị hoá ở khu vực này mang tính phi tập trung. Ở khu vực nông thôn, có hiện tượng đô thị hoá ở các thị trấn. Số lượng các thị trấn đã tăng từ 41 vào năm 1890 lên 644 vào năm 1922 và 1.458 vào năm 2002. Các thị trấn có từ 2000 đến hơn 20.000 dân. Trong các thị trấn này, ngành công nghiệp phát triển khá nhanh.

Quảng Đông đã trở thành tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao nhất của đất nước (13,4%/năm), trong đó nông nghiệp tăng 5,6%, công nghiệp tăng 16,8% và dịch vụ tăng 13,8%. GDP bình quân đầu người của Quảng Đông cao gấp 3 lần trung bình của cả nước và gấp 2 lần so với các tỉnh khác. Khu vực đồng bằng chiếm 92% tổng kim ngạch xuất khẩu và chiếm 84% số vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2000, khu vực này chiếm 34% tổng kim ngạch xuất khẩu và 30% tổng số vốn đầu tư nước ngoài trên cả nước.

Các thành phố có sự chuyên môn hoá về một số sản phẩm: trung tâm của đồng bằng và thành phố Quảng Châu chuyên về hàng gia dụng (máy may, tủ lạnh), thành phố Trung Sơn chuyên về máy giặt, thành phố Phạt Sơn chuyên về quạt máy và tủ lạnh; Khu vực miền trung của đồng bằng chuyên về camera và máy vi tính, thành phố Thẩm Quyển chuyên về máy vi tính và tivi, thành phố Quảng Châu chuyên về xe gắn máy và xe đạp, thành phố Giang Môn chuyên về máy cày đẩy tay; Khu đồng bằng chuyên về quần áo may sẵn và các ngành công nghiệp thực phẩm; Khu vùng ven chuyên về xi măng, gỗ, công nghiệp hoá chất, dệt.

Ở khu vực trung tâm của châu thổ, nông dân phát triển các ngành công nghiệp ở nông thôn. Các huyện ven biển thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài. Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP, diện tích đất nông nghiệp và nhân lực thấp, nhưng tốc độ tăng

trường kinh tế vẫn cao (5,6% /năm). Chăn nuôi, trồng cây ăn trái và nghề nuôi cá đang phát triển nhanh. Về dịch vụ: giao thông vận tải, du lịch và thương mại phát triển khá nhanh.

Kết luận

Nghiên cứu quá trình hình thành của Thăng Long - Kẻ Chợ ta có những nhận xét sau: Hà Nội không phải chỉ là trung tâm tự nhiên, chính trị, văn hoá của châu thổ sông Hồng mà còn là trung tâm kinh tế năng động của cả vùng. Châu thổ sông Hồng là nguồn cung cấp lao động, vốn và óc kinh doanh, là đầu ra của hàng hoá do các làng nghề sản xuất. Trong chiến lược công nghiệp hoá nông thôn, Hà Nội không nên bỏ quên vùng châu thổ sông Hồng đã đóng góp to lớn cho việc đô thị hoá trước đây.

Việc phát triển kinh tế dựa vào lao động tại chỗ, phát triển các nghề mới và thị trường trong nước là một tiềm năng để công nghiệp hoá nông thôn. Cần có một quy hoạch đô thị hoá chung cho cả đô thị và nông thôn. Nếu quy hoạch đô thị do Bộ Xây dựng thực hiện trong khi đó sự phát triển của nông thôn và không gian nông thôn lại do Bộ Nông nghiệp phụ trách thì sự phát triển sẽ gặp nhiều khó khăn.

CHÚ THÍCH

- ¹ Gottmann J, Megapolis-the urbanised seaboard of the U.S., Cambridge MIT Press, 1961.
- ² McGee, T. G., in Ginsburg, N., B. Koppel, and T. G. McGee (eds.), *The Extended Metropolis: Settlement Transition in Asia*. Honolulu: University of Hawaii Press, 1991.
- ³ Adell G., Theories and models of peri-urban interface: A changing conceptual landscape, 1999.
- ⁴ Scott, A. J.. Regions and the world economy : the coming shape of global production, competition, and political order, Oxford University Press, Oxford, 1998.
- ⁵ DFID, Critical review of the role of small and intermediate urban centres in national, regional, and local economies of developing countries, PASS, DFID, 2003.
- ⁶ McGee, T. G., in Ginsburg, N., B. Koppel, and T. G. McGee (eds.), *The Extended Metropolis: Settlement Transition in Asia*. Honolulu: University of Hawaii Press, 1991.
- ⁷ Periurbanisation, Un article de Wikipédia, l'encyclopédie libre, 2010.
- ⁸ Sanjuan T., A l'ombre de Hongkong, L'Harmattan, Paris, 1997.